

Bản án số: 341/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2025

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Nhâm**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Quốc Sơn**

Bà Phạm Thị Lâm Anh

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Việt Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/08/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2025/QĐST – HNGĐ ngày 09/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trần Thu H**, Sinh năm: 1982; CCCD số 038182003537; HKTT: Số 16a ngách A, đường C, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội (nay là phường N, thành phố Hà Nội). *(có mặt)*

- Bị đơn: **Anh Vũ Đức T**, Sinh năm: 1975, Số CMND: 038075010387 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021; Nơi ĐKNKTT: Phòng 11A1, chung cư S, số B đường L, tổ dân phố số A, phường M, quận N, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Đức T là Công ty L – luật sư Vũ Anh T1, luật sư Đặng Thị Thu H1, luật sư Nguyễn Thị Thúy H2; Địa chỉ: P, tòa nhà C - NĐ1, đường T, phường M, quận N, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội). *(ông T, ông T1 có mặt)*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Công ty cổ phần Đ1**; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế Đ – chức vụ Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Đình T2 – chức vụ phó giám đốc; Địa chỉ: Số B đường L, phường M, quận N, Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội). *(Có đơn xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu: Tôi và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 04 năm 2013 tại UBND phường N, quận C, thành phố Hà Nội tại Số đăng ký kết hôn số 86, Quyền số 01/2013 ngày 01 tháng 04 năm 2013.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi do bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra chồng tôi luôn chửi mắng tôi vô cớ trước mặt con, đập phá đồ đạc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển tâm lý của con.

Hiện nay, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không còn yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tôi yêu cầu được xin ly hôn với anh Vũ Đức T.

Về con chung: Tôi và anh Vũ Đức T có một con chung là cháu Vũ Hà A, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2013 hiện tại cháu Hà A đang ở cùng tôi, tôi có nguyện vọng được nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi có 01 căn hộ chung cư diện tích 79,55m²; Địa chỉ: Phòng A, chung cư S, số B đường L, phường M, quận N, Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội); Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư dự án (Dự án Tổ hợp công trình dịch vụ công cộng, văn phòng nhà ở tại số B đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội – “SUN SQUARE”); Hợp đồng số: 91/HĐMBCH – SUNSQUARE ngày 18/9/2015. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nhận căn hộ trên và thanh toán phần giá trị chênh lệch cho anh Vũ Đức T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần Đ1 xác nhận nội dung sau:

Ngày 18/9/2015 anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H đã ký hợp đồng mua bán số: 91/HĐMBCH – SUNSQUARE với công ty cổ phần Đ1 để mua căn hộ Căn hộ là A-1101-A1- Khối chung cư CT - A - Dự án “Tổ hợp công trình dịch vụ công cộng, văn phòng nhà ở – SUNSQUARE.

Tính đến ngày 17/09/2025, anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H đã thực hiện thanh toán đủ số tiền theo đúng quy định tại hợp đồng mua bán căn hộ, tổng số tiền là 2.645.033.831 đồng, trong đó:

Tổng giá trị căn hộ A – 1101 – A1 là: 2.597.561.573 đồng

Kinh phí bảo trì 2% là: 47.472.258 đồng.

Công ty Đ1 không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Công ty Đ1 xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa: Chị Trần Thu H và anh Vũ Đức T tự nguyện thỏa thuận nội dung sau:

Chúng tôi tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/04/2013 tại UBND phường N, quận C, thành phố Hà Nội; Số ĐKKH: 86, quyền số: 01/2013 ngày 01/04/2023.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Hiện nay, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không còn yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thu H và anh Vũ Đức T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thu H và anh Vũ Đức T có một con chung: Cháu Vũ Hà A, sinh ngày 28/12/2013 hiện tại cháu Hà A đang ở cùng chị H, hai vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao con chung Vũ Hà A cho chị Trần Thu H trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vũ Đức T trực tiếp cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 09 năm 2025 cho khi cháu Vũ Hà A trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H tự thỏa thuận hai vợ chồng có 01 căn hộ chung cư; Diện tích sàn sử dụng 79,55m²; diện tích sàn xây dựng 84,68m² tại địa chỉ: Căn hộ L - A1, tầng A, thuộc nhà chung cư A- chung cư S, số B đường L, phường M, quận N, Hà Nội (Nay là phường T, Hà Nội) - (Dự án Tổ hợp công trình dịch vụ công cộng, văn phòng nhà ở tại số B đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội – “SUN SQUARE”) tại Hợp đồng số: 91/HĐMBCH – SUNSQUARE ngày 18 tháng 9 năm 2015. Anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H xác định giá trị căn hộ theo giá định giá là 4.375.250.000 đồng (*Bốn tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Khi ly hôn anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H thỏa thuận như sau: Giá trị căn hộ trên chia mỗi người được hưởng 1/2 giá trị căn hộ là 2,187,625,000 đồng (*Hai tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Chị Trần Thu H đồng ý nhận giá trị tài sản chung bằng tiền, anh Vũ Đức T đồng ý nhận tài sản chung là Căn hộ là A- 1101 - A1, tầng 11, thuộc nhà chung cư A- chung cư S, số B đường L, phường M, quận N, Hà Nội (nay là phường T thành phố Hà Nội). Anh Vũ Đức T tự nguyện thanh toán cho chị Trần Thu H số tiền 2.200.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm triệu đồng*). Anh Vũ Đức T sẽ thanh toán số tiền là 2.200.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm triệu đồng*) cho chị Trần Thu H trong vòng 15 ngày từ ngày 18 tháng 09 năm 2025. Anh Vũ Đức T sẽ thanh toán số tiền trên cho chị Trần Thu H theo số tài khoản 0520108430005 – Ngân hàng M – Chủ tài khoản Trần Thu H. Anh Vũ Đức T được toàn quyền sử dụng, sở hữu căn hộ trên sau khi thanh toán tiền trên cho chị Trần Thu H.

Sau khi thanh toán hết tiền cho chị Trần Thu H thì anh Vũ Đức T phải tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật và quyết định của Tòa án.

Về công nợ: Anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H tự chịu trách nhiệm nộp án phí ly hôn theo phần tài sản mình được hưởng. Anh Vũ Đức T nộp án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Chị Trần Thu H nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán đã chấp hành các quy định tại Điều 48, 198 BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Nguyên đơn đã chấp hành các quy định của BLTTDS, Bị đơn có mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của Viện kiểm sát như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận nội dung thỏa thuận theo biên bản thỏa thuận của các đương sự nộp tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Vũ Đức T; Địa chỉ: Phòng A, chung cư S, số B đường L, phường M, quận N, Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội) đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập, thông báo về việc chấp hành nghĩa vụ tố tụng và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Vũ Đức T vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Anh Vũ Đức T và bà Trần Thu H đã có mặt tại phiên tòa. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 4 thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu tại phiên tòa anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H đề nghị Hội đồng xét xử công nhận nội dung sau:

Chị Trần Thu H và anh Vũ Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/04/2013 tại UBND phường N, quận C, thành phố Hà Nội; Số ĐKKH: 86, quyền số: 01/2013 ngày 01/04/2013.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Hiện nay, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không còn yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thu H và anh Vũ Đức T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thu H và anh Vũ Đức T có một con chung: Cháu Vũ Hà A, sinh ngày 28/12/2013 hiện tại cháu Hà A đang ở cùng chị H, hai vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao con chung Vũ Hà A cho chị Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vũ Đức T trực tiếp cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 09 năm 2025 cho khi cháu Vũ Hà A trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H tự thỏa thuận hai vợ chồng có 01 căn hộ chung cư; Diện tích sàn sử dụng 79,55m²; diện tích sàn xây dựng 84,68m² tại địa chỉ: Căn hộ là A- 1101 - A1, tầng 11, thuộc nhà chung cư A- chung cư S, số B đường L, phường M, quận N, Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội) - (Dự án Tổ hợp công trình dịch vụ công cộng, văn phòng nhà ở tại số B đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội – “SUN SQUARE”) tại Hợp đồng số: 91/HĐMBCH – SUNSQUARE ngày 18 tháng 9 năm 2015. Anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H xác định giá trị căn hộ theo giá định giá là 4,375,250, 000 đồng (*Bốn tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Khi ly hôn anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H thỏa thuận như sau: Giá trị căn hộ trên chia mỗi người được hưởng ½ giá trị căn hộ là 2,187,625,000 đồng (*Hai tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Chị Trần Thu H đồng ý nhận giá trị tài sản chung bằng tiền, anh Vũ Đức T đồng ý nhận tài sản chung là căn hộ Căn hộ là A- 1101 - A1, tầng 11, thuộc nhà chung cư A- chung cư S, số B đường L, phường M, quận N, Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội) và anh Vũ Đức T tự nguyện thanh toán cho chị Trần Thu H số tiền 2.200.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm triệu*

đồng). Anh Vũ Đức T sẽ thanh toán số tiền là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng) cho chị Trần Thu H trong vòng 15 ngày từ ngày 18/09/2025 theo số tài khoản 0520108430005 – Ngân hàng M – Chủ tài khoản Trần Thu H. Anh Vũ Đức T được toàn quyền sử dụng, sở hữu căn hộ trên sau khi thanh toán số tiền trên cho chị Trần Thu H.

Sau khi thanh toán hết số tiền 2.200.000.000 cho chị Trần Thu H thì anh Vũ Đức T phải tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật và quyết định của Tòa án.

Về công nợ: Anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H tự chịu trách nhiệm nộp án phí ly hôn theo phần tài sản mình được hưởng. Ông Vũ Đức T nộp án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Chị Trần Thu H nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy nội dung thỏa thuận của chị Trần Thu H và anh Vũ Đức T không vi phạm điều cấm và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy cần công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thu H và anh Vũ Đức T.

[3]. Xét ý kiến của Công ty cổ phần Đ1: Tính đến ngày 17/09/2025, ông Vũ Đức T và bà Trần Thu H đã thực hiện thanh toán đủ số tiền theo đúng quy định tại hợp đồng mua bán căn hộ, tổng số tiền là 2.645.033.831 đồng, trong đó:

Tổng giá trị căn hộ A – 1101 – A1 là: 2.597.561.573 đồng

Kinh phí bảo trì 2% là: 47.472.258 đồng.

Công ty Đ1 không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Công ty Đ1 xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Do anh T, chị H đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán hợp đồng mua nhà nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ phải thanh toán giữa nguyên đơn, bị đơn và Công ty cổ phần Đ1.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thu H, anh Vũ Đức T, Công ty cổ phần Đ1 được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 51; Điều 55; Khoản 1 Điều 56; Điều 33, Điều 38, Điều 59; Điều 80; Điều 81; Điều 107; Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thu H và anh Vũ Đức T.

[2]. Công nhận sự thỏa thuận của anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H như sau:

- **Về con chung:** Giao cho chị Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Vũ Hà A, sinh ngày 28/12/2013. Anh Vũ Đức T trực tiếp cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 09 năm 2025 cho khi cháu Vũ Hà A trưởng thành.

Anh Vũ Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H tự thỏa thuận hai vợ chồng có 01 căn hộ chung cư; Diện tích sàn sử dụng 79,55m²; diện tích sàn xây dựng 84,68m² địa chỉ: Căn hộ L - A1, tầng A, thuộc nhà chung cư A- chung cư S, số B đường L, phường M, quận N, Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội) - (Dự án Tổ hợp công trình dịch vụ công cộng, văn phòng nhà ở tại số B đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội – “SUN SQUARE”) theo Hợp đồng mua bán căn hộ số: 91/HĐMBCH – SUNSQUARE ngày 18/9/2015. Anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H xác định giá trị căn hộ theo biên bản định giá tài sản ngày 22/04/2025 là 4.375.250.000 đồng (*Bốn tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Khi ly hôn anh Vũ Đức T và chị Trần Thu H thỏa thuận như sau: Giá trị căn hộ trên chia mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị căn hộ là 2,187,625,000 đồng (*Hai tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Chị Trần Thu H đồng ý nhận giá trị tài sản chung bằng tiền, anh Vũ Đức T đồng ý nhận tài sản chung là căn hộ Căn hộ là A- 1101 - A1, tầng 11, thuộc nhà chung cư A- chung cư S, số B đường L, phường M, quận N, Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội) và anh Vũ Đức T tự nguyện thanh toán cho chị Trần Thu H số tiền 2.200.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm triệu đồng*). Anh Vũ Đức T sẽ thanh toán số tiền là 2.200.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm triệu đồng*) cho chị Trần Thu H trong vòng 15 ngày từ ngày 18/09/2025 theo số tài khoản 0520108430005 – Ngân hàng M – Chủ tài khoản Trần Thu H. Anh Vũ Đức T được toàn quyền sử dụng, sở hữu căn hộ trên sau khi thanh toán số tiền trên cho chị Trần Thu H.

Sau khi thanh toán hết tiền cho chị Trần Thu H thì anh Vũ Đức T phải tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật và quyết định của Tòa án.

[3]Về án phí: Anh Vũ Đức T phải nộp 75.505.000 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng số tiền án phí anh Vũ Đức T phải nộp là 75.805.000 đồng. Chị Trần Thu H nộp án phí ly hôn theo phần tài sản mình được hưởng là 76.000.000 đồng và nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Tổng án phí chị Trần Thu H phải nộp là 76.300.000 đồng. Chị H đã nộp 46.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0027964 ngày 18/2/2025 tại Cục thi hành án Hà Nội (*nay là Phòng thi hành án Khu vực 4 – Hà Nội*). Chị Trần Thu H còn phải nộp số tiền án phí là 30.300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về quyền quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần Đ1 có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Nhâm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM